

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và
khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách;

Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 226/BC-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Điều kiện hưởng cơ chế, chính sách và nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

2. Các khoản vay vốn ODA, vay vốn tín dụng đầu tư nhà nước và các khoản vay khác để thực hiện dự án đã được hưởng hỗ trợ từ chính sách có nguồn ngân sách nhà nước thì không được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Dư nợ được hỗ trợ là số dư nợ gốc thực tế nằm trong hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa nhà đầu tư và tổ chức tín dụng. Trường hợp các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ thì không được hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn trả nợ, gia hạn nợ.

Điều 3. Mức hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư bến xe

1. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ lãi suất vay các tổ chức tín dụng cho các dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng bến xe khách theo hình thức xã hội hóa, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn đối với dự án thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Hỗ trợ 20% lãi suất vay vốn đối với dự án thực hiện tại các địa bàn còn lại;

c) Thời điểm bắt đầu hỗ trợ lãi suất vay vốn tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng của tổ chức tín dụng.

2. Xác định số tiền được hỗ trợ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền được} \\ \text{hỗ trợ của từng dự án} \\ \text{(năm)} \end{array} = \frac{\text{Tổng vốn vay được}}{\text{hỗ trợ lãi suất}} \times \frac{\text{Lãi suất}}{\text{vay vốn}} \times \frac{\text{Mức hỗ trợ lãi suất}}{\text{theo quy định (\%)}}$$

Điều 4. Chính sách ưu đãi về xã hội hóa khai thác bến xe khách

Tổ chức khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất như sau:

1. Đối với bến xe khách tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền được miễn tiền thuê đất đối với toàn bộ diện tích bến xe khách.

2. Đối với các bến xe khách không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được miễn tiền thuê đất cho phần diện tích của các hạng mục công trình dịch vụ bắt buộc, bao gồm: Khu vực đón, trả khách, bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách, phòng chờ cho hành khách, khu vực làm việc của bộ máy quản lý, khu vực bán vé, khu vệ sinh, đường xe ra, vào, đường nội bộ bên trong bến xe khách, đất dành cho cây xanh, vườn hoa.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án đầu tư, nâng cấp hoặc mở rộng bến xe khách theo hình thức xã hội hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ lãi suất vay theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và vẫn đang trong thời gian được hỗ trợ thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng quyết định đã phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian hỗ trợ của dự án.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương